



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán; Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán; Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán

1. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 Điều 8 như sau:

“i) Kiểm toán viên hành nghề bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán, kiểm toán mà chưa được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Bộ Tài chính cập nhật thường xuyên và công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính các thông tin sau:

- a) Danh sách kiểm toán viên hành nghề tại từng doanh nghiệp kiểm toán;
- b) Danh sách kiểm toán viên hành nghề không được tiếp tục hành nghề kiểm toán, gồm: kiểm toán viên hành nghề bị đình chỉ hành nghề kiểm toán; kiểm toán viên hành nghề bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán và các trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị khác theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Kiểm toán viên hành nghề bị đình chỉ hành nghề kiểm toán trong các trường hợp sau:

- a) Bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kiểm toán độc lập hai lần trong thời gian 36 tháng liên tục;
- b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị trong các hoạt động nghề nghiệp kiểm toán (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đang là kiểm toán viên hành nghề);
- c) Không chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập;
- d) Sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- đ) Ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đang là kiểm toán viên hành nghề);
- e) Không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán hoặc dịch vụ đảm bảo khác;
- g) Thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- h) Ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi đang bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- i) Thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 5 năm tài chính liên tục;
- k) Không có đủ số giờ cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính;

l) Vi phạm về các trường hợp kiểm toán viên hành nghề không được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều 19 Luật kiểm toán độc lập;

m) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc đăng ký hành nghề kiểm toán tại đơn vị nơi mình thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian;

n) Có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán.”.

4. Bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Thời gian đình chỉ hành nghề kiểm toán:

a) Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian 06 tháng đối với kiểm toán viên hành nghề thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian 12 tháng đối với kiểm toán viên hành nghề thuộc các trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m khoản 1 Điều này;

c) Kiểm toán viên hành nghề thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 1 Điều này bị đình chỉ hành nghề kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Kiểm toán viên hành nghề bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong các trường hợp sau:

a) Gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Đăng ký hành nghề kiểm toán tại một doanh nghiệp kiểm toán nhưng thực tế không làm việc toàn thời gian theo hợp đồng lao động tại doanh nghiệp kiểm toán đó;

c) Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian;

d) Góp vốn vào từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên;

đ) Bị đình chỉ hành nghề kiểm toán 02 lần trong 36 tháng liên tục;

e) Bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán, kiểm toán mà chưa được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

g) Bị thu hồi Chứng chỉ kiểm toán viên.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau

“b) Họ và tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của người đại diện theo pháp luật và của Giám đốc (Tổng Giám đốc) của doanh nghiệp kiểm toán (nếu không phải là người đại diện theo pháp luật);”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“1. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 27 và khoản 1b Điều 29 Luật kiểm toán độc lập;

b) Cung cấp dịch vụ kiểm toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; tiếp tục kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi đã tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán);

c) Bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề;

d) Bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 5 năm tài chính liên tục từ lần thứ 2 trở đi;

đ) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

e) Không giải trình, hợp tác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

g) Doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện không lưu trữ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

h) Sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

i) Không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán;

k) Doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc khi bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán;

l) Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam; tiếp tục kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi đã tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán);

m) Vi phạm trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 27 Luật kiểm toán độc lập.

2. Thời gian đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán:

a) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian 03 tháng đối với doanh nghiệp kiểm toán thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian 06 tháng đối với doanh nghiệp kiểm toán thuộc các trường hợp quy định tại điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l khoản 1 Điều này;

c) Doanh nghiệp kiểm toán thuộc trường hợp quy định tại điểm m khoản 1 Điều này bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

3. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán đang bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà còn bị đình chỉ đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì thời gian bị đình chỉ này không tính vào thời gian đang bị đình chỉ hoặc đang tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Bộ Tài chính công bố quyết định đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày có quyết định đình chỉ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 16 như sau:

“4. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán không bảo đảm điều kiện quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán độc lập sau 03 tháng liên tục thì bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian 03 tháng.

5. Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán đó cũng bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo thời hạn đình chỉ của doanh nghiệp kiểm toán.”.

4. Bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 17 như sau:

“9. Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kiểm toán viên hành nghề bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán, kiểm toán mà chưa được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

10. Mở sổ theo dõi các hợp đồng kiểm toán, báo cáo kiểm toán đã phát hành, đăng ký chữ ký của kiểm toán viên hành nghề tại công ty; thiết lập quy trình phát hành báo cáo kiểm toán và các kiểm soát đối với các chữ ký của kiểm toán viên hành nghề trên báo cáo kiểm toán để thường xuyên rà soát, đối chiếu giữa chữ ký đăng ký với các chữ ký trên báo cáo kiểm toán; kịp thời phát hiện và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về con dấu, chữ ký giả mạo, các trường hợp người không đủ điều kiện đăng ký hành nghề, người ký báo cáo kiểm toán mà không thực sự tham gia cuộc kiểm toán.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 như sau:

“c) Các hồ sơ kiểm toán được lựa chọn để kiểm tra phải là các hồ sơ kiểm toán đã phát hành báo cáo kiểm toán trong khoảng thời gian tính từ khi thành lập doanh nghiệp kiểm toán (đối với doanh nghiệp kiểm toán kiểm tra lần đầu) hoặc từ lần kiểm tra gần nhất đến thời điểm kiểm tra đồng thời có thể đánh giá được chất lượng dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề. Trường hợp cần thiết các hồ sơ kiểm toán được kiểm tra còn có thể bao gồm các hồ sơ đã phát hành báo cáo kiểm toán trong thời gian tính từ khi thành lập doanh nghiệp kiểm toán;”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“1. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian 03 tháng khi cơ quan có thẩm quyền kết luận:

a) Chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại 3 “Chất lượng dịch vụ kiểm toán không đạt yêu cầu” qua hai lần kiểm tra liên tiếp;

b) Chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại 4 “Chất lượng dịch vụ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

2. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian 06 tháng khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại 4 “Chất lượng dịch vụ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng” từ lần thứ hai trở đi.

3. Kiểm toán viên hành nghề bị đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian 06 tháng khi cơ quan có thẩm quyền kết luận kiểm toán viên hành nghề ký

báo cáo kiểm toán có từ 1 đến 2 hồ sơ kiểm toán xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

4. Kiểm toán viên hành nghề bị đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian 12 tháng khi cơ quan có thẩm quyền kết luận kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán có trên 02 hồ sơ có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

5. Doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này thì thời gian đình chỉ tăng lên gấp đôi.”.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- HĐND; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLKT (150b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn